

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST

Ngày: 10/08/2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Bình.

2. Ông Đặng Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 07 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí N, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 05 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 20/09/2015 ông Nguyễn Chí N có vay số tiền 8.000.000 đồng, ngày 22/09/2016 ông N vay tiếp số tiền 2.000.000 đồng, ngày 25/09/2016 ông N vay tiếp số tiền 1.500.000 đồng, tổng cộng là 11.500.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3% tháng, thời hạn vay là 01 tháng thì ông N phải trả lại tiền. Đến hạn, nhiều lần yêu cầu ông N trả lại tiền nhưng ông N không thực hiện. Nay yêu cầu ông N phải trả số tiền vay là 11.500.000 đồng, không yêu cầu ông N trả tiền lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 06 năm 2017 bị đơn ông Nguyễn Chí N trình bày: Thừa nhận có vay số tiền 11.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn T vào năm 2016, vay không có lãi suất. Nay đồng ý trả số tiền 11.500.000 đồng theo yêu cầu của anh T.

Do ông Nguyễn Chí N không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Anh Nguyễn Văn T khởi kiện ông Nguyễn Chí N về việc “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa anh T với ông N là có thật, Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T khẳng định ông N có vay 11.500.000 đồng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nay anh T yêu cầu ông N trả 11.500.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Ông N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Chí N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông N không đến, Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho ông N, nhưng ông N vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông N theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, anh T khẳng định có cho ông Nguyễn Chí N vay 03 lần, tổng số tiền là 11.500.000 đồng vào các ngày 20/09/2016, ngày 22/06/2016 và ngày 25/09/2016, ông N có viết giấy biên nhận mượn tiền, thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày vay, nhưng ông N không thực hiện theo cam kết. Nay anh T yêu cầu ông N phải trả số tiền vay là 11.500.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn Văn T với ông Nguyễn Chí N được xác lập vào ngày 20/09/2016, theo giấy biên nhận mượn tiền do anh T cung cấp, có chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Chí N, thể hiện thời hạn trả tiền là 20 ngày. Như vậy “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T với ông N là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phát sinh tranh chấp. “Hợp

đồng vay tài sản” giữa anh T với ông N đang được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005.

Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Do “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T với ông N được thực hiện theo Bộ luật dân sự 2005, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Như vậy, theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T với ông N được áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Ông Nguyễn Chí N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông N có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nhưng ông N không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[3] Anh Nguyễn Văn T khẳng định ông Nguyễn Chí N có vay số tiền 11.500.000 đồng vào các ngày 20/09/2016, ngày 22/09/2016 và ngày 25/09/2016, anh T cung cấp cho Tòa án 01 giấy biên nhận mượn tiền ngày 20/09/2015 có chữ ký và chữ viết Nguyễn Chí N. Hợp đồng vay tiền giữa anh T với ông N là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, nhưng ông N không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Như vậy, yêu cầu của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Chí N phải có nghĩa vụ trả 11.500.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu tính tiền lãi suất nên không đề cập đến.

3. Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận nên ông N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí là 5% của số tiền ông N phải trả cho anh T.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 470, 688 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với ông Nguyễn Chí N về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Chí N phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 11.500.000 đồng (bằng chữ: mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu ông N chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Chí N phải chịu 575.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh T 311.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003771 ngày 15/05/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hựu